TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/DS-ST
Ngày: 30- 9 - 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tiếp

2. Bà Trương Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Dung- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 và 30 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2023/TLST- DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 993/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1080/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Quốc T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Quốc T: Ông Huỳnh Quốc T1, sinh năm 1998; Địa chỉ: phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; theo Giấy ủy quyền ngày 28/9/2023.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ tỉnh Quảng Ngãi;

Địa chỉ hiện nay: Tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Minh T2, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Minh T2: Ông Huỳnh Quốc T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; theo hợp đồng ủy quyền ngày 31/8/2023.

Nguyên đơn, đại diện của nguyên đơn, bị đơn và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/5/2023, đơn khởi kiện bổ sung, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh Quốc T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Quốc T1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị N và vợ chồng ông T là chỗ quen biết nhau. Vào ngày 23/7/2018 (11/6/2018 âm lịch), bà N có vay của ông 400.000.000 đồng, thời hạn vay 2 tháng. Tuy nhiên đến hạn mà bà N không trả. Ông T đã nhiều lần gặp bà N đòi nợ nhưng bà N vẫn chưa trả khoản tiền này. Việc bà N nói ông T cho con gái bà N vay là không đúng, ông T chỉ cho bà N vay tiền. Đây là khoản tiền của vợ chồng ông T, bà T2. Do vậy ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả cho vợ chồng ông T là 400.000.000 đồng, ông không yêu cầu lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà không vay tiền của ông Huỳnh Quốc T, bà chỉ là người đứng ra làm chứng cho con gái bà vay tiền. Ông T bảo bà chịu ký vào giấy, ông T cho con của bà vay tiền nên bà đã ký. Chữ ký của bên vay mượn trong Giấy mượn tiền ngày 11/6/2018 âm lịch là chữ ký của bà. Sau khi ký xong ông T có cho con bà vay hay không bà không biết. Nay ông T đòi bà phải trả 400.000.000 đồng, bà không vay nên bà không đồng ý trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Minh T2 và người đại diện theo ủy quyền của bà T2 là ông ông Huỳnh Quốc T trình bày:

Bà Theo thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông Huỳnh Quốc T. Bà yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải trả 400.000.000 đồng cho bà và ông T.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Huỳnh Quốc T, bà Nguyễn Thị Minh T2 400.000.000 đồng nợ gốc, về tiền lãi: không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Huỳnh Quốc T có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị N ở Tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo giấy mượn tiền ngày 11/6/2018 âm lịch, người vay là bà Nguyễn Thị N, bên cho vay là ông Huỳnh Quốc T, số tiền vay là 400.000.000 đồng, thời hạn vay 2 tháng, vay không có lãi, giấy này do bà N ký vay. Do đó có cơ sở hai bên có xác lập hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 463, 470 Bộ luật dân sự.

Nguyên đơn ông Huỳnh Quốc T yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền vay. Bị đơn bà N khai bà không vay, bà chỉ là người đứng ra làm chứng để cho con bà vay tiền của ông T nhưng bà không có chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn không thừa nhận nên lời khai của bà N là không có cơ sở.

Bà N là người vay tiền nhưng không trả tiền theo như thỏa thuận mà hai bên đã ký kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bà N trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Khoản tiền vay là của ông Huỳnh Quốc T và bà Nguyễn Thị Minh T2, do vậy cần buộc bị đơn bà N phải trả cho ông T, bà Theo 400.000.000 đồng là có cơ sở.

Về tiền lãi: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị N phải chịu 20.000.000 đồng đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Huỳnh Quốc T, bà Nguyễn Thị Minh T2 400.000.000 đồng *(bốn trăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án chậm thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Quốc T 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006366 ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- THADS thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Hồng Mỹ